

Local Charges Là Gì? Các Loại Phí Local Charges Được Thu Trên Một Lô Hàng



Local charges là gì? Local charges là phí địa phương được trả tại cảng xếp hàng và cảng dỡ hàng. Ngoài cước biển (Ocean Fee), các hãng tàu/ Forwarder thường thu thêm một khoản Local Charges. Một lô hàng thì phí này cả shipper và consignee đều phải đóng. Phí này được thu theo hãng tàu và cảng. Bao gồm các loại phí như sau:

1. **Phí THC (Terminal Handling Charge):** Phụ phí xếp dỡ tại cảng là khoản phí thu trên mỗi container để bù đắp chi phí cho các hoạt động làm hàng tại cảng, như: xếp dỡ, tập kết container từ CY ra cầu tàu... Thực chất cảng thu hãng tàu phí xếp dỡ và các phí liên quan khác và hãng tàu sau đó thu lại từ chủ hàng (người gửi và người nhận hàng) khoản phí gọi là THC.
2. **Phí Handling (Handling fee):** thực ra phí này là do các Forwarder đặt ra để thu Shipper/ Consignee. Hiểu rõ được loại phí này thì dễ nhưng để nói cho người khác hiểu thì khó. Đại khái Handling là quá trình một Forwarder giao dịch với đại lý của họ ở nước ngoài để thỏa thuận về việc đại diện cho đại lý ở nước ngoài tại Việt Nam thực hiện một số công việc như khai báo manifest với cơ quan hải quan, phát hành B/L, D/O cũng như các giấy tờ liên quan...
3. **Phí D/O (Delivery Order fee):** phí này gọi là phí lệnh giao hàng. Khi có một lô hàng nhập khẩu vào Việt Nam thì consignee phải đến Hãng tàu / Forwarder để lấy lệnh giao hàng, mang ra ngoài cảng xuất trình cho kho (hàng lẻ) / làm phiếu EIR (hàng container FCL) thì mới lấy được hàng. Các Hãng tàu / Forwarder issue một cái D/O và thế là họ thu phí D/O.
4. **Phí AMS (Advanced Manifest System fee):** khoảng 30 USD / Bill. Phí này là bắt buộc do hải quan Mỹ, Canada và một số nước khác yêu cầu khai báo chi tiết hàng hóa trước khi hàng hóa này được xếp lên tàu để chở đến USA, Canada...
5. **Phí ENS:** tương tự như phí AMS (Áp dụng cho một số cảng ở châu Âu).
6. **Phí B/L (Bill of Lading fee), phí AWB (Airway Bill fee), Phí chứng từ (Documentation fee):** Tương tự như phí D/O nhưng mỗi khi có một lô hàng xuất khẩu thì các Hãng tàu / Forwarder phải phát hàng một cái gọi là Bill of Lading

(hàng vận tải bằng đường biển) hoặc Airway Bill (hàng vận tải bằng đường không).

7. **Phí CFS (Container Freight Station fee):** Mỗi khi có một lô hàng lẻ xuất / nhập khẩu thì các công ty Consol / Forwarder phải dỡ hàng hóa từ container đưa vào kho hoặc ngược lại và họ thu phí CFS.
8. **Phí chỉnh sửa B/L (Amendment fee):** Chỉ áp dụng đối với hàng xuất. Khi phát hành một bộ B/L cho shipper, sau khi shipper lấy về hoặc do một nguyên nhân nào đó cần chỉnh sửa một số chi tiết trên B/L và yêu cầu hãng tàu / forwarder chỉnh sửa thì họ có quyền thu phí chỉnh sửa.

– Phí chỉnh sửa B/L trước khi tàu cập cảng đích hoặc trước khi khai manifest tại cảng đích thường là 40 – 50 USD.

– Phí chỉnh sửa B/L sau khi tàu cập cảng đích hoặc sau thời điểm hãng tàu khai manifest tại cảng đích thì tùy thuộc vào hãng tàu / Forwarder bên cảng nhập. Thường không dưới 100 USD.

9. **Phí BAF (Bunker Adjustment Factor):** Phụ phí biến động giá nhiên liệu. Là khoản phụ phí (ngoài cước biển) hãng tàu thu từ chủ hàng để bù đắp chi phí phát sinh do biến động giá nhiên liệu. Tương đương với thuật ngữ FAF (Fuel Adjustment Factor)...

– Phí BAF (Bulkier Adjustment Factor): phụ phí xăng dầu (cho tuyến Châu Âu).

– Phí EBS (Emergency Bunker Surcharge): phụ phí xăng dầu (cho tuyến Châu Á).

10. **Phí PSS (Peak Season Surcharge):** Phụ phí mùa cao điểm. Phụ phí này thường được các hãng tàu áp dụng trong mùa cao điểm từ tháng tám đến tháng mười, khi có sự tăng mạnh về nhu cầu vận chuyển hàng hóa thành phẩm để

chuẩn bị hàng cho mùa Giáng sinh và Ngày lễ tạ ơn tại thị trường Mỹ và châu Âu.

11. Phí CIC (Container Imbalance Charge) hay “Equipment Imbalance Surcharge”

là phụ phí mất cân đối vỏ container hay còn gọi là phí phụ trội hàng nhập. Có thể hiểu nôm na là phụ phí chuyển vỏ container rỗng. Đây là một loại phụ phí cước biển mà các hãng tàu thu để bù đắp chi phí phát sinh từ việc điều chuyển (re-position) một lượng lớn container rỗng từ nơi thừa đến nơi thiếu.

12. Phí GRI (General Rate Increase): phụ phí của cước vận chuyển (chỉ xảy ra vào mùa hàng cao điểm).

13. Phí chạy điện (áp dụng cho hàng lạnh, chạy container lạnh tại cảng): phải

cắm điện vào container để cho máy lạnh của container chạy và giữ nhiệt độ cho hàng lạnh.

14. Phí vệ sinh container (Cleaning container fee): là chi phí phải trả cho hãng

tàu để làm vệ sinh vỏ container rỗng sau khi người nhập khẩu lấy container về kho và trả cont rỗng tại các depot.

15. Phí lưu container tại bãi của cảng (DEMURRAGE); Phí lưu container tại kho riêng của khách (DETENTION); Phí lưu bãi của cảng (STORAGE)

– DETENTION / DEMURRAGE / STORAGE đối với hàng xuất khẩu:

* Sau khi bạn liên hệ với cảng để nhận container và kéo về kho riêng của bạn đóng hàng. Thông thường đối với hàng XK thì bạn sẽ được lấy container đem về kho để đóng hàng trước ngày tàu chạy ETD là 05 ngày. Điều này có nghĩa là bạn sẽ được miễn phí 02 ngày DEM và 03 ngày DET với điều kiện bạn trả container về bãi trước giờ closing time quy định để xuất theo lịch tàu dự kiến. Nếu sau 03 ngày bạn không trả container về bãi để xuất đúng lịch tàu đã book mà container để tại kho của bạn thì bạn sẽ phải thanh toán tiền lưu container tại kho (DET). Nếu vì lý do nào đó bạn giao

container về bãi nhưng sau closing time quy định và hàng không kịp xếp lên tàu dự kiến. Hàng của bạn sẽ phải nằm ở bãi và chờ đến chuyến sau thì bạn sẽ phải trả phí lưu container tại bãi (DEM) và phí lưu bãi tại cảng (STORAGE) và phí đảo / chuyển container.

* Trong trường hợp bạn đóng hàng tại bãi của Cảng thì DET sẽ không bị tính và DEM cũng sẽ được tính như trường hợp trên.

– DETENTION / DEMURRAGE / STORAGE đối với hàng nhập khẩu:

Sau khi bạn đã hoàn tất các thủ tục hải quan, nhập khẩu và muốn mang container về kho riêng để rút hàng thì container này sẽ được miễn phí lưu container tại cảng (DEM) và phí lưu bãi tại cảng (STORAGE) thông thường được các hãng tàu cho phép là 5 ngày kể từ ngày container được bốc lên bãi. Điều này có nghĩa là bạn sẽ được miễn phí 05 ngày DEM và 05 ngày STORAGE. Kể từ ngày thứ 06 trở đi thì bạn sẽ phải trả thêm phí DEM và STORAGE (nếu hàng vẫn còn nằm trong bãi của cảng) hay bạn sẽ phải trả phí DEM và DET nếu bạn đem hàng về kho riêng để dỡ hàng sau ngày quy định trên. Trong trường hợp bạn rút hàng tại bãi của Cảng sau 05 ngày được miễn nêu trên thì bạn phải trả phí lưu container (DEM) và lưu bãi (STORAGE).

Lưu ý là số ngày DEMURRAGE, DETENTION, STORAGE và PLUGING (phí cắm điện) tùy thuộc vào từng hãng tàu, có hãng tàu tách riêng 2 DEM 3 DET nhưng có hãng tàu lại gộp thành 5 DEM DET combined; lại có hãng tàu tính từ closing time nhưng có hãng lại tính từ ETD. Nên khi làm hàng, các shipper lưu ý hỏi kỹ về vấn đề này để sắp xếp kéo cont và đóng hàng cho kịp với số ngày free time, tránh phát sinh các chi phí không đáng có.